

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117 /2021/HSST
Ngày 20 tháng 4 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu
2. Ông Trần Tuấn Hưởng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 620/2021/HSST, ngày 27 tháng 11 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Hoàng Đức T. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Sinh ngày: 26 tháng 6 năm 1985 tại Thái Nguyên.

- ĐKKHKT và nơi ở: Xóm A, xã H, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Hoàng Đình T, sinh năm 1940; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1951; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Nguyễn Thị O, sinh năm 1985; Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2020.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020).

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Văn D. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Sinh ngày: 28 tháng 8 năm 1992 tại: Thái Nguyên.
- ĐKHKTT và nơi ở: Xóm T, xã H, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Nguyễn Văn G, sinh năm 1960; Con bà: Ngô Thị H, sinh năm 1965; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020).

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Đồng Ngọc D. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Sinh ngày: 24 tháng 6 năm 1984 tại: Thái Nguyên.

- ĐKHKTT và nơi ở: Xóm A, xã H, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 5/10; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Đồng Ngọc H, sinh năm 1953; Con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1957; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020).

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Đặng Văn T1. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Sinh ngày: 04 tháng 4 năm 1985 tại: Thái Nguyên.

- ĐKHKTT và nơi ở: Xóm A, xã H, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: thợ xây; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Đặng Ngọc C (Đã chết); Con bà: Dương Thị Q, sinh năm 1953; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Vi Thị Thanh H, sinh năm 1988; Có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020).

(Có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Vương Khánh T2. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Sinh ngày: 18 tháng 9 năm 1992 tại: Thái Nguyên.

- ĐKHKTT và nơi ở: Xóm A, xã H, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Vương Xuân B, sinh năm 1956; Con bà: Đỗ Thị Đ, sinh năm 1960; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Phạm Thị T, sinh năm 1993; Có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương (bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

(Có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: Trần Anh Đ1. Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam.

- Sinh ngày: 29 tháng 9 năm 1980 tại: Nam Định.

- Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã N, thành phố N.Đ, tỉnh Nam Định.

-Tạm trú: Xóm A, xã H, thành phố T.N, tỉnh Thái Nguyên.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Trần Đăng T, sinh năm 1954; Con bà: Cao Thị C, sinh năm 1956; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Tăng Thị H, sinh năm 1985; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2010.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cơ trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã có quyết Đ truy nã số 01/ QĐ – ĐCSHS ngày 22/01/2021 truy nã đối với bị cáo Trần Anh Đ1 nhưng chưa có kết quả (bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 11/8/2020, tổ công tác của Công an xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên đang tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực bãi đất trống phía sau nhà văn hóa xóm Huống Trung của xã thì phát hiện một nhóm thanh niên đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền nên yêu cầu kiểm tra. Khi bị phát hiện nhóm thanh niên trên đã bỏ chạy, tổ công tác tiến hành bắt quả tang được 03 đối tượng gồm Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D và Đồng Ngọc Đ và thu giữ vật chứng gồm:

- Số tiền 5.200.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành, thu giữ tại vị trí các đối tượng đánh bạc, là tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc.

- 01 (Một) chiếc bát bằng sứ màu trắng, đường kính 11cm, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính 18cm, đã qua sử dụng.

- 04 (Bốn) quân vị bằng tre, kích thước: 1,7cm x 1,3cm, một mặt có màu đen, một mặt để trắng.

- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 30cm.

- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 10cm.

- 01 (Một) con dao dạng dao gọt hoa quả, dài khoảng 18cm cả chuôi, phần chuôi bằng nhựa màu đen trên có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại có lưỡi sắc, đầu nhọn, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, có số IMEI1: 353119110037638, IMEI2: 35311911503633, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, màu đen, có số IMEI: 357732107583475, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS, màu hồng có số IMEI: 355376085290174, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS, màu trắng, IMEI1: 3521110800427395, IMEI 2: 352111080427387, đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xác định ngoài Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D và Đồng Ngọc Đ còn 03 đối tượng có tham gia đánh bạc nhưng đã bỏ trốn khi phát hiện thấy tổ công tác Công an xã Huống Thượng phát hiện bắt quả tang gồm: Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 và Trần Anh Đ1.

Ngày 12/8/2020 và 15/8/2020, Đặng Văn T1 và Vương Khánh T2 đến Công an xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên đầu thú. Ngày 16/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên tiến hành triệu tập lấy lời khai đối với Nguyễn Anh Đ1 về hành vi đánh bạc ngày 11/8/2020.

Tại Cơ quan điều tra các đối tượng Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 và Trần Anh Đ1 khai nhận như sau: Vào khoảng 20 giờ 30 ngày 11/8/2020, Hoàng Đức T gọi điện thoại rủ Đồng Ngọc Đ và Đặng Văn T1 đến khu vực bãi đất trống sau nhà văn hóa xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên để đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền thì Đ và T1 đồng ý. Sau đó, T1 rủ thêm Nguyễn Văn D đi tham gia đánh bạc cùng. T mang theo từ nhà gồm: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 02 đoạn tre, 01 con dao dạng dao gọt hoa quả, 01 đoạn dây cao su màu đen đến địa điểm hẹn đánh bạc trước làm 04 quân vị bằng cách dùng bật lửa đốt đoạn dây cao su rồi hơ đen một mặt đoạn tre, mặt còn lại để nguyên. Sau khi chuẩn bị 04 quân vị xong thì Đ, T1, D đến và cùng T ngồi ở bãi đất trống sau nhà văn hóa xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên để đánh bạc cùng nhau. Khi bắt đầu chơi thì T là người xóc cái còn D, Đ và T1 là người tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc được khoảng 05 phút thì Vương Khánh T2 và Trần Anh Đ1 đến tham gia đánh bạc cùng. Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên phát hiện yêu cầu kiểm tra nên T1, T2 và Đ1 đã bỏ chạy. Tổ tuần tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Hoàng Đức T, Đồng Ngọc Đ, Nguyễn Văn D và thu giữ các vật chứng như nêu trên.

Về hình thức đánh bạc là “Xóc đĩa” sát phạt nhau bằng tiền, các đối tượng quy ước như sau: Người cầm cái cho 04 quân vị vào trong một chiếc đĩa sứ rồi úp chiếc bát sứ lên sau đó người cầm cái sẽ cầm cả bát và đĩa lên xóc rồi đặt xuống. Các đối tượng quy ước phía bên tay phải của người cầm cái là bên “Chẵn”, phía bên tay trái của người cầm cái là bên “Lẻ”. Sau khi người cầm cái xóc cái xong đặt xuống chiếu thì các con bạc đặt tiền ở bên “Chẵn” hoặc “Lẻ”. Số tiền tối thiểu đặt mỗi lần là 50.000 đồng, không quy ước số tiền tối đa. Sau khi các người chơi đặt tiền đánh bạc ở các bên xong thì người cầm cái sẽ mở bát ra để xem kết quả. Nếu trong 04 quân vị có 02 quân vị có mặt đen và 02 quân vị mặt trắng hoặc cả 04 mặt quân vị có mặt đen hoặc cả 04 quân vị đều có mặt màu trắng ngửa lên thì được gọi là về “Chẵn”. Nếu có trong 04 quân vị có 01 quân vị có mặt đen và 03 quân vị mặt trắng hoặc 01 quân vị mặt trắng và 03 quân vị mặt đen ngửa lên thì được gọi là về “Lẻ”. Sau khi có kết quả, nếu về “Chẵn” thì những người đặt tiền ở bên chẵn sẽ là người thắng bạc còn người đặt tiền đánh bạc ở bên lẻ là người thua bạc và ngược lại. Người cầm cái có trách nhiệm thu tiền của người thua bạc rồi trả cho người thắng bạc, số tiền trả tiền thắng bạc bằng số tiền người đánh bạc đã bỏ ra đặt để đánh bạc, nếu còn thừa tiền thì người cầm cái được hưởng số tiền đó, nếu thiếu tiền thì người cầm cái sẽ bỏ tiền ra để trả tiền cho người thắng bạc.

Về số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc: Hoàng Đức T mang theo số tiền khoảng 1.270.000 đồng, Nguyễn Văn D mang theo số tiền khoảng 1.300.000 đồng,

Đồng Ngọc Đ mang theo số tiền khoảng 800.000 đồng, Đặng Văn T1 mang theo số tiền khoảng 500.000 đồng, khi bị phát hiện bắt quả tang thì T1 bỏ chạy và mang theo số tiền 300.000 đồng đã sử dụng vào việc đánh bạc. Vương Khánh T2 mang theo số tiền khoảng 1.000.000 đồng và Nguyễn Anh Đ1 mang theo số tiền khoảng 150.000 đồng. Ngày 21/8/2020, Đặng Văn T1 đã giao nộp số tiền 300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen đã qua sử dụng có số Imei1: 35514100456751; Imei2: 355314101456750 là chiếc điện thoại T1 sử dụng để liên lạc với Hoàng Đức T khi được T gọi điện rủ đi đánh bạc ngày 11/8/2020.

Lời khai nhận của Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 và Trần Anh Đ1 phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản kiểm tra điện thoại, và lời khai của những người chứng kiến cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Riêng về số tiền các bị can khai mang theo để đánh bạc không khớp với số tiền thu giữ khi bắt quả tang tại chiếu bạc nhưng các đối tượng đều khai nhận số tiền 5.200.000 đồng bắt quả tang là tiền các đối tượng dùng để đánh bạc, không có ai bỏ thêm tiền vào chiếu bạc (BL: 75-79; 89-148; 181-189).

Vật chứng của vụ án gồm:

- Số tiền 5.500.000 VNĐ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và lưu hành.
- 01 (Một) chiếc bát bằng sứ màu trắng, đường kính 11cm, đã qua sử dụng.
- 01 (Một) chiếc đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính 18cm, đã qua sử dụng.
- 04 (Bốn) quân vị bằng tre, kích thước: 1,7cm x 1,3cm, một mặt có màu đen, một mặt để trắng.
- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 30cm.
- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 10cm.
- 01 (Một) con dao dạng dao gọt hoa quả, dài khoảng 18cm cả chuôi, phần chuôi bằng nhựa màu đen trên có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại có lưỡi sắc, đầu nhọn, đã qua sử dụng.
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 353119110037638, IMEI2: 35311911503633.
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI: 357732107583475.
- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS màu hồng đã qua sử dụng, có số IMEI: 355376085290174.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 3521110800427395, IMEI 2: 352111080427387.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 355314100456751, IMEI 2: 355314101456750.

Hiện đang được bảo quản tại tài khoản và kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án D sự thành phố Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 603/ CT- VKSTPTN, ngày 18/11/ 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2, Trần Anh Đ1 về tội “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như lời khai tại Cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả.

Tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Đức T; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Anh Đ1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ; Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Đặng Văn T1, Vương Khánh T2. Xử phạt Hoàng Đức T từ 09 đến 12 tháng tù; Xử phạt Trần Anh Đ1 từ 09 đến 12 tháng tù; Xử phạt Nguyễn Văn D từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; Xử phạt Đồng Ngọc Đ từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; Xử phạt Đặng Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng; Xử phạt Vương Khánh T2 từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Số tiền 5.500.000 VNĐ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và lưu hành;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 353119110037638, IMEI2: 35311911503633.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 3521110800427395, IMEI 2: 352111080427387.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 355314100456751, IMEI 2: 355314101456750.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) chiếc bát bằng sứ màu trắng, đường kính 11cm, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính 18cm, đã qua sử dụng.

- 04 (Bốn) quân vị bằng tre, kích thước: 1,7cm x 1,3cm, một mặt có màu đen, một mặt để trắng.

- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 30cm.

- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 10cm.

- 01 (Một) con dao dạng dao gọt hoa quả, dài khoảng 18cm cả chuôi, phần chuôi bằng nhựa màu đen trên có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại có lưỡi sắc, đầu nhọn, đã qua sử dụng.

Tam giữ của bị cáo Nguyễn Văn D 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI: 357732107583475 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS màu hồng đã qua sử dụng, có số IMEI: 355376085290174 để đảm bảo việc thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quyết định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan. Các bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng xin hưởng mức án thấp nhất và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN Đ CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng: Trong vụ án có bị cáo Trần Anh Đ1 bỏ trốn khỏi nơi cư trú, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Nguyên đã có quyết Đ truy nã số 01/QĐ – ĐCSHS ngày 22/01/2021 truy nã đối với bị cáo Trần Anh Đ1, đến nay đã hết thời hạn một tháng nhưng việc truy nã không có kết quả, Tòa án nhân dân thành

phố Thái Nguyên quyết định đưa ra xét xử vắng mặt bị cáo Trần Anh Đ1 theo quyết định tại điểm a khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết Đ tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quyết định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

- Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã mô tả, các bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên truy tố là đúng người, đúng tội, đối với bị cáo Trần Anh Đ1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra bị cáo cũng đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã mô tả, sau khi nhận cáo trạng bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì đối với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên . Xét thấy lời nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là tự nguyện, khách quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, các biên bản kiểm tra điện thoại; biên bản ghi lời khai, bản tự khai của các bị cáo và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: Hồi 21 giờ 30 phút ngày 11/8/2020, tại khu vực bãi đất trống phía sau nhà văn hóa xóm Huống Trung thuộc xóm Huống Trung, xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên, Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2, Trần Anh Đ1 đang đánh bạc với hình thức “Xóc đĩa” được thua bằng tiền thì bị tổ công tác của Công an xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tổng số tiền 5.500.000 đồng là tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc. Trong đó 5.200.000 đồng thu giữ trực tiếp tại vị trí các đối tượng đánh bạc và 300.000 đồng thu giữ của Đặng Văn T1 là tiền đánh bạc của T1 mang theo khi bỏ trốn tại thời điểm bắt quả tang và các vật chứng khác là công cụ, phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

Như vậy, hành vi của các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2, Trần Anh Đ1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự quyết định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Do vậy các bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật đã quy định.

- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đánh bạc đã bị pháp luật nghiêm cấm, bởi nó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Đồng thời còn gây hậu quả hết sức nghiêm trọng, cờ bạc là tệ nạn của xã hội cũ để lại, khi lao sâu vào con đường cờ bạc không những làm thiệt hại về tài sản của gia đình mà còn là một trong những nguyên nhân phát sinh nhiều hành vi vi phạm pháp luật khác. Nên cần có hình phạt tương xứng với tội trạng của các bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy: Các bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự do đó không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quyết định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” được quy định tại điểm 1, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Hoàng Đức T có bố là thương binh, bị cáo Đặng Văn T1 và bị cáo Vương Khánh T2 tự nguyện ra đầu thú, do vậy các bị này còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xét về nhân thân của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm. Bị cáo Hoàng Đức T là người khởi xướng và giữ vai trò là người cầm đầu việc phạm tội các bị cáo Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2, Trần Anh Đ1 đều là người thực hành hành vi phạm tội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Đức T, Trần Anh Đ1 cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và răn đe phòng ngừa chung tội phạm nói chung.

Xét thấy mức án từ 09 đến 12 tháng tù đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị khi luận tội đối với các bị cáo Hoàng Đức T, Trần Anh Đ1 là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có hoàn cảnh khó khăn, các bị cáo xin được cải tạo tại địa phương, đủ điều kiện áp dụng Điều 2 NQ 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương theo quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ tác dụng đấu tranh phòng ngừa tội phạm và cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người có ích.

Xét thấy mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đề nghị khi luận tội đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 là phù hợp.

Xét các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính do đó cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quyết định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

*** Về những vấn đề khác:**

Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng là: - Số tiền 5.500.000 VNĐ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và lưu hành;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 353119110037638, IMEI2: 35311911503633.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 3521110800427395, IMEI 2: 352111080427387.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 355314100456751, IMEI 2: 355314101456750. Được xác định các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội do đó cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với vật chứng là:

- 01 (Một) chiếc bát bằng sứ màu trắng, đường kính 11cm, đã qua sử dụng.
- 01 (Một) chiếc đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính 18cm, đã qua sử dụng.
- 04 (Bốn) quân vị bằng tre, kích thước: 1,7cm x 1,3cm, một mặt có màu đen, một mặt để trắng.
- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 30cm.
- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 10cm.
- 01 (Một) con dao dạng dao gọt hoa quả, dài khoảng 18cm cả chuôi, phần chuôi bằng nhựa màu đen trên có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại có lưỡi sắc, đầu nhọn, đã qua sử dụng. Được xác định các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng do đó cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với các vật chứng là: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI: 357732107583475; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS màu hồng đã qua sử dụng, có số IMEI: 355376085290174 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D được xác định không sử dụng vào việc phạm tội nên cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp sung quỹ Nhà nước, theo quyết định của pháp luật.

Thông báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật Đ.

Bởi các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Đức T. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Anh Đ1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Đặng Văn T1, Vương Khánh T2.

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Đức T, Trần Anh Đ1, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt:

1. Bị cáo Hoàng Đức T 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 12/8/2020 đến ngày 20/8/2020.

2. Bị cáo Trần Anh Đ1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Nguyễn Văn D 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo;
Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Đồng Ngọc Đ 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo;
Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Vương Khánh T2 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo;
Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Đặng Văn T1 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo;
Thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 cho UBND xã Huống Thượng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự .

Phạt bị cáo Hoàng Đức T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Phạt bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Phạt bị cáo Đồng Ngọc Đ số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Phạt bị cáo Đặng Văn T1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Phạt bị cáo Vương Khánh T2 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Phạt bị cáo Trần Anh Đ1 số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng);

Sung quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

* Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- Số tiền 5.500.000 VNĐ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành và lưu hành;

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 353119110037638, IMEI2: 35311911503633.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu trắng, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 3521110800427395, IMEI 2: 352111080427387.

- 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 355314100456751, IMEI 2: 355314101456750.

* Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (Một) chiếc bát bằng sứ màu trắng, đường kính 11cm, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc đĩa bằng sứ màu trắng, đường kính 18cm, đã qua sử dụng.

- 04 (Bốn) quân vị bằng tre, kích thước: 1,7cm x 1,3cm, một mặt có màu đen, một mặt để trắng.

- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 30cm.

- 01 (Một) đoạn tre dài khoảng 10cm.

- 01 (Một) con dao dạng dao gọt hoa quả, dài khoảng 18cm cả chuôi, phần chuôi bằng nhựa màu đen trên có in dòng chữ “KIWI”, lưỡi dao bằng kim loại có lưỡi sắc, đầu nhọn, đã qua sử dụng.

* Tạm giữ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, đã qua sử dụng, có số IMEI: 357732107583475 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7PLUS màu hồng đã qua sử dụng, có số IMEI: 355376085290174 của bị cáo Nguyễn Văn D để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng số 149 ngày 25 / 11/2020 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ –UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST vào ngân sách Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Hoàng Đức T, Nguyễn Văn D, Đồng Ngọc Đ, Đặng Văn T1, Vương Khánh T2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Trần Anh Đ1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- VKS nhân dân TPTN;
- Công an TP Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- *Chi cục THA D sự TPTN;*
- *Tòa án tỉnh TN;*
- *UBND nơi các bị cáo cư trú;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu.*

Trần Thị Thu Hà